



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

**Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương**

**Mã chứng khoán: BDG**

**Trụ sở chính:** Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Điện thoại:** 0274.3755 143      **Fax:** 0274.3755 415

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Thanh Thủy

**Loại thông tin công bố:** ☐ 24h ☐ 72h ☒ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại đường dẫn <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người thực hiện công bố thông tin**

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán;
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước.

**LÊ THỊ THANH THỦY**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số: 09/CBTT-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026*

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng năm 2025 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

- Mã chứng khoán: **BDG**
- Địa chỉ: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274.3755 143 Fax: 0274.3755 415
- Email: [thuy.ltt@protrade.com.vn](mailto:thuy.ltt@protrade.com.vn)
- Website: <http://www.protradegarment.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán
  - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/3/2026 tại đường dẫn: <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán;
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước.

**Đại diện tổ chức**  
Người UQCBTT



**LÊ THỊ THANH THỦY**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025  
(đã được kiểm toán)





**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 39
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 39

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3700769438 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài Chính) tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ năm (05) ngày 27 tháng 03 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Phan Thành Đức	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm 26/06/2025
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm 26/06/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Nguyễn Xuân Quân	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Tái bổ nhiệm 26/06/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng là Ông Phan Thành Đức - Tổng Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phan Thành Đức**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026



Số: 270326.002/BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 27 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Thuyết minh số 34b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Theo đó, trong năm Công ty tiến hành rà soát và thực hiện thủ tục truy đóng bổ sung các khoản bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN) cho 317 người lao động trong giai đoạn từ tháng 04/2021 đến tháng 06/2024.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Trần Trung Hiếu**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

**Đào Trung Thành**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1



38-  
4  
4  
C  
VG  
NH



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>805.648.193.599</b>	<b>852.076.763.415</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>27.119.019.606</b>	<b>32.284.984.204</b>
111	1. Tiền		27.119.019.606	32.284.984.204
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	<b>186.523.398.636</b>	<b>265.402.054.405</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		186.523.398.636	265.402.054.405
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>310.641.219.033</b>	<b>274.149.039.603</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	296.338.438.161	264.878.083.754
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.198.475.164	2.384.047.450
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	12.182.553.753	6.886.908.399
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(78.248.045)	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	09	<b>221.602.446.235</b>	<b>221.854.961.863</b>
141	1. Hàng tồn kho		221.602.446.235	221.854.961.863
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>59.762.110.089</b>	<b>58.385.723.340</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.187.759.458	1.636.828.761
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		57.574.350.631	56.714.019.747
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	34.874.832
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>259.330.211.206</b>	<b>134.478.529.691</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>77.996.760</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	77.996.760	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>28.836.405.315</b>	<b>30.233.553.048</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	28.276.754.300	29.377.543.229
222	- Nguyên giá		293.388.766.363	283.830.999.775
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(265.112.012.063)	(254.453.456.546)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	559.651.015	856.009.819
228	- Nguyên giá		9.154.003.711	9.154.003.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.594.352.696)	(8.297.993.892)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.231.323.229</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.231.323.229	-
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>132.056.731.003</b>	<b>102.293.547.258</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		173.291.000.000	173.291.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(41.234.268.997)	(73.997.452.742)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.000.000.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>97.127.754.899</b>	<b>1.951.429.385</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	97.127.754.899	1.951.429.385
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.064.978.404.805</b>	<b>986.555.293.106</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>399.278.344.591</b>	<b>369.202.100.349</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>399.278.344.591</b>	<b>369.202.100.349</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	156.565.005.576	141.813.238.801
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.901.113.722	18.576.225.891
314	3. Phải trả người lao động		57.645.803.704	72.058.885.798
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	113.669.783	78.314.024
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.541.569.461	2.287.555.805
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	148.792.247.366	125.728.065.232
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		16.718.934.979	8.659.814.798
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>665.700.060.214</b>	<b>617.353.192.757</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>665.700.060.214</b>	<b>617.353.192.757</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		247.999.200.000	247.999.200.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		247.999.200.000	247.999.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		115.154.590.525	83.301.072.046
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		302.415.935.430	285.922.586.452
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		181.716.874.467	126.654.994.058
421b	LNST chưa phân phối năm nay		120.699.060.963	159.267.592.394
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.064.978.404.805</b>	<b>986.555.293.106</b>

Lê Văn Đông  
Người lập

Nguyễn Minh Thùy  
Kế toán trưởng




Phan Thành Đức  
Tổng Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.765.786.454.640	1.821.373.413.251
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	3.387.808.365	4.856.209.191
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.762.398.646.275	1.816.517.204.060
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.547.208.485.111	1.580.437.432.638
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		215.190.161.164	236.079.771.422
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	43.772.847.258	55.684.848.919
22	7. Chi phí tài chính	25	(2.475.587.058)	(3.560.222.911)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.208.271.166	3.404.411.392
25	8. Chi phí bán hàng	26	15.697.384.950	15.992.518.214
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	89.292.050.986	91.575.510.315
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		156.449.159.544	187.756.814.723
31	11. Thu nhập khác	28	8.707.455.559	13.610.736.002
32	12. Chi phí khác	29	5.815.310.896	175.671.056
40	13. Lợi nhuận khác		2.892.144.663	13.435.064.946
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		159.341.304.207	201.191.879.669
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	38.642.243.244	41.924.287.275
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>120.699.060.963</u>	<u>159.267.592.394</u>

  
Lê Văn Đông  
Người lập

  
Nguyễn Minh Thùy  
Kế toán trưởng

  
Phan Thành Đức  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		159.341.304.207	201.191.879.669
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.954.914.321	12.280.792.604
03	- Các khoản dự phòng		(32.684.935.700)	(36.237.618.827)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.442.595.038	308.521.123
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.239.981.282)	(9.617.793.429)
06	- Chi phí lãi vay		5.208.271.166	3.404.411.392
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		135.022.167.750	171.330.192.532
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(38.947.084.692)	(66.621.380.949)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		252.515.628	17.954.114.365
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(273.245.018)	(13.877.504.432)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.654.161.440)	(944.415.417)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.196.550.976)	(3.368.339.584)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(39.455.491.203)	(37.704.294.284)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.293.273.325)	(3.666.394.696)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		47.454.876.724	63.101.977.535
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(106.662.184.588)	(19.751.576.093)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	13.636.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(60.400.000.000)	(197.867.782.157)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		142.278.655.769	96.210.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	15.556.989.116
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.897.022.487	11.020.319.657
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.886.506.332)	(94.818.413.113)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.411.581.959.526	1.516.256.726.495
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.389.323.526.037)	(1.454.087.613.159)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.959.985.500)	(61.993.806.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(39.701.552.011)	175.306.886
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.133.181.619)	(31.541.128.692)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.284.984.204	63.744.441.132
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(32.782.979)	81.671.764
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>27.119.019.606</u>	<u>32.284.984.204</u>

Lê Văn Đông  
Người lập

Nguyễn Minh Thùy  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đức  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3700769438 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài Chính) tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ năm (05) ngày 27 tháng 03 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 247.999.200.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 247.999.200.000 VND; tương đương 24.799.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.796 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 1.887 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2025 giảm 41,85 tỷ VND (tương đương 20,80%) so với năm trước. Chủ yếu là do:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2025 giảm 54,12 tỷ VND (tương đương 2,98%), tuy nhiên giá vốn hàng bán chỉ giảm 33,23 tỷ VND (tương đương 2,10%) so với năm trước. Nguyên nhân do mặc dù kinh tế toàn cầu đã dần ổn định, sự phục hồi của kinh tế thế giới, đặc biệt là Mỹ và châu Âu, cùng với việc giảm lạm phát tạo điều kiện thuận lợi cho ngành may mặc, tuy nhiên dưới áp lực cạnh tranh gay gắt, chi phí nguyên vật liệu và đơn giá tiền lương tăng theo mức lương cơ bản, làm giá vốn tăng mạnh hơn doanh thu. Điều này làm lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 20,89 tỷ VND tương đương 8,85%.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 11,91 tỷ VND (tương đương giảm 21,39%, chủ yếu do lãi chênh lệch tỷ giá giảm khi thị trường ngoại hối biến động ổn định hơn năm trước.
- Chi phí khác tăng 5,64 tỷ VND, chủ yếu do các khoản lãi phạt chậm nộp.

Thông tin về các công ty con, đầu tư khác của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

## 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính chi phí phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## 2.5 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



## 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm
- Quyền sử dụng đất	20	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

## 2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí thuê đất và tài sản gắn liền với đất; chi phí thuê chung cư được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 08 tháng đến 12 tháng.
- Chi phí bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm hỏa hoạn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 12 tháng.

**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.16 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí mở thư bảo lãnh... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).



## **2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## **2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### **b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## **2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## **2.26 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	263.534.466	144.596.842
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.855.485.140	32.140.387.362
	<b>27.119.019.606</b>	<b>32.284.984.204</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	186.523.398.636	-	265.402.054.405	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.000.000.000	-
	<b>186.523.398.636</b>	<b>-</b>	<b>268.402.054.405</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,8%/năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 50.963.398.636 VND. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 18).

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	173.291.000.000	(41.234.268.997)	173.291.000.000	(73.997.452.742)
	173.291.000.000	(41.234.268.997)	173.291.000.000	(73.997.452.742)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân <sup>(1)</sup>	-	-	-	-
	-	-	-	-
	173.291.000.000	(41.234.268.997)	173.291.000.000	(73.997.452.742)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

<sup>(1)</sup> Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 VND do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong năm:				
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
<b>Công ty con</b>				
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	TP. Hồ Chí Minh	76,08%	76,08%	Sản xuất, gia công hàng may mặc.
<b>Đơn vị khác</b>				
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân	TP. Hồ Chí Minh	13,19%	13,19%	Bán lẻ hàng hóa may mặc.



5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên khác</b>				
Rcv Inc Dba Rock Revival	296.338.438.161	-	264.878.083.754	-
Olymp Bezner KG Hopfighmer	87.246.165.792	-	86.685.444.918	-
Victory 2020, LLC (DBA Miss Me)	64.829.699.739	-	39.118.367.575	-
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	110.641.524.427	-	89.960.970.560	-
	33.621.048.203	-	49.113.300.701	-
	<b>296.338.438.161</b>	<b>-</b>	<b>264.878.083.754</b>	<b>-</b>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên khác</b>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Dương Minh Phát	2.198.475.164	(78.248.045)	2.384.047.450	-
Foshan Seazon Textile and Garment Co., LTD	-	-	782.720.380	-
Gerber Scientific International LTD	-	-	520.456.781	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công Nghiệp và Dân Dụng	1.800.000.000	-	357.461.103	-
Trả trước cho người bán khác	398.475.164	(78.248.045)	723.409.186	-
	<b>2.198.475.164</b>	<b>(78.248.045)</b>	<b>2.384.047.450</b>	<b>-</b>



7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	3.057.252.151	-	3.714.293.356	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.260.175.097	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	21.465.672	-	182.260.579	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	178.138.411	-
Tạm ứng	1.640.577.031	-	1.395.420.917	-
Ký cược, ký quỹ	100.800.000	-	-	-
Phải thu các khoản BHXH, BHYT, BHTN đã chi hộ cho người lao động (*)	6.258.018.657	-	-	-
Phải thu khác	1.104.440.242	-	156.620.039	-
	<b>12.182.553.753</b>	<b>-</b>	<b>6.886.908.399</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	77.996.760	-	-	-
	<b>77.996.760</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan</b>				
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	77.996.760	-	-	-
	<b>77.996.760</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 34b.

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
Trả trước cho người bán	111.782.922	33.534.877	111.782.922	111.782.922
Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch Sài Gòn Sông Bé	111.782.922	33.534.877	111.782.922	111.782.922
	<u>111.782.922</u>	<u>33.534.877</u>	<u>111.782.922</u>	<u>111.782.922</u>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	7.416.308.293	-	7.107.890.989	-
Nguyên liệu, vật liệu	107.769.654.669	-	104.620.077.586	-
Công cụ, dụng cụ	1.202.801.028	-	1.313.046.577	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	95.096.984.316	-	102.632.230.219	-
Thành phẩm	10.116.697.929	-	6.181.716.492	-
	<u>221.602.446.235</u>	<u>-</u>	<u>221.854.961.863</u>	<u>-</u>

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm bổ sung các khoản vay là toàn bộ giá trị hàng hóa tồn kho luân chuyển của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 221.602.446.235VND. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh 18).

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự án di dời nhà máy	1.231.323.229	-
	<u>1.231.323.229</u>	<u>-</u>

- Căn cứ theo Nghị quyết 06/NQ-HDQT ngày 06/11/2024, Hội đồng quản trị đã thông qua phương án di dời nhà máy để thực hiện theo Đề án: "Điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động và đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở địa bàn phía Nam chuyển đổi công năng, di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Bình Dương" theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.
  - Tổng mức đầu tư dự kiến là: 393.490.026.300 VND.
  - Trong năm, Công ty đã thuê đất tại Khu công nghiệp Quốc tế Protrade để triển khai theo kế hoạch này. (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 20a).
- Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty đang thực hiện các công việc liên quan đến thiết kế dự án, lựa chọn đơn vị cung cấp dây chuyền sản xuất. Dự án di dời dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2028.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	61.382.068.645	192.390.458.141	17.171.373.355	12.887.099.634	283.830.999.775
- Mua trong năm	-	8.427.830.779	552.000.000	365.321.684	9.345.152.463
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	212.614.125	-	-	-	212.614.125
Số dư cuối năm	<u>61.594.682.770</u>	<u>200.818.288.920</u>	<u>17.723.373.355</u>	<u>13.252.421.318</u>	<u>293.388.766.363</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	60.666.445.479	167.766.567.708	14.174.065.872	11.846.377.487	254.453.456.546
- Khấu hao trong năm	437.020.997	8.947.311.614	987.192.829	287.030.077	10.658.555.517
Số dư cuối năm	<u>61.103.466.476</u>	<u>176.713.879.322</u>	<u>15.161.258.701</u>	<u>12.133.407.564</u>	<u>265.112.012.063</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	715.623.166	24.623.890.433	2.997.307.483	1.040.722.147	29.377.543.229
Tại ngày cuối năm	<u>491.216.294</u>	<u>24.104.409.598</u>	<u>2.562.114.654</u>	<u>1.119.013.754</u>	<u>28.276.754.300</u>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 125.643.423.171 VND.



**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	530.000.000	8.624.003.711	9.154.003.711
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>530.000.000</b>	<b>8.624.003.711</b>	<b>9.154.003.711</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	530.000.000	7.767.993.892	8.297.993.892
- Khấu hao trong năm	-	296.358.804	296.358.804
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>530.000.000</b>	<b>8.064.352.696</b>	<b>8.594.352.696</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	856.009.819	856.009.819
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>559.651.015</b>	<b>559.651.015</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 782.748.222 VND.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.374.955.370	1.537.999.763
Phí bảo hiểm hàng nhập khẩu	2.166.831	2.741.189
Phí bảo hiểm cháy nổ	-	96.087.809
Chi phí sửa chữa	166.518.167	-
Chi phí trả trước khác	644.119.090	-
	<b>2.187.759.458</b>	<b>1.636.828.761</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	273.608.000	56.098.867
Chi phí sửa chữa lớn	2.781.052.128	1.895.330.518
Chi phí thuê đất (*)	94.073.094.771	-
	<b>97.127.754.899</b>	<b>1.951.429.385</b>

(\*) Xem chi tiết tại thuyết minh số 20a.



	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	30.641.894.533	30.641.894.533	26.580.234.678	26.580.234.678
Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	30.611.044.933	30.611.044.933	26.507.526.178	26.507.526.178
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	-	-	3.095.400	3.095.400
	30.849.600	30.849.600	69.613.100	69.613.100
<b>Bên khác</b>				
Olymp Bezner KG Hopfighmer	125.923.111.043	125.923.111.043	115.233.004.123	115.233.004.123
Công ty TNHH Dệt Tường Long	20.211.382.330	20.211.382.330	13.816.528.486	13.816.528.486
Công ty TNHH Denim Tường Long	-	-	21.861.747.743	21.861.747.743
Grandian Hong Kong Company Limited	21.888.987.130	21.888.987.130	-	-
Các đối tượng khác	15.105.756.293	15.105.756.293	7.318.393.844	7.318.393.844
	68.716.985.290	68.716.985.290	72.236.334.050	72.236.334.050
	<b>156.565.005.576</b>	<b>156.565.005.576</b>	<b>141.813.238.801</b>	<b>141.813.238.801</b>

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.143.424.516	1.143.424.516	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	949.794.957	949.794.957	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	18.576.225.891	38.642.243.244	39.455.491.203	-	17.762.977.932
Thuế Thu nhập cá nhân	34.874.832	-	9.459.654.018	9.286.643.396	-	138.135.790
Các loại thuế khác	-	-	28.079.114	28.079.114	-	-
	<b>34.874.832</b>	<b>18.576.225.891</b>	<b>50.223.195.849</b>	<b>50.863.433.186</b>	<b>-</b>	<b>17.901.113.722</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	90.034.214	78.314.024
Chi phí mở thư bảo lãnh	23.635.569	-
	<b>113.669.783</b>	<b>78.314.024</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	909.021.511	1.836.798.996
Bảo hiểm xã hội	164.893.381	146.419.395
Bảo hiểm y tế	267.831.178	245.916.514
Bảo hiểm thất nghiệp	29.870.040	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.570.400	10.755.900
Phải trả đối tượng khác	119.382.951	47.665.000
	<b>1.541.569.461</b>	<b>2.287.555.805</b>

ST0076  
CÔNG  
CỔ PH  
MAY M  
 BÌNH Đ  
N AN-T





Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:					31/12/2025	
Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời gian duy trì hạn mức	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm (*)	USD	VND
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>						
Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 24.4882147/2024-HĐCVHM/NHCT900-MMBD	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 21/11/2025 đến ngày 28/02/2026	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	Tín chấp	759.970,71	20.045.747.418
ngày 21/11/2024 kèm theo Phụ lục số 24.4882147/2024-HĐCVHM-SĐBS1/NHCT900-MMBD ngày 02/01/2025 và Phụ lục số 24.4882147/2024-HĐCVHM-SĐBS02/NHCT900-MMBD ngày 17/11/2025						
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</b>						
Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 100B25-MBD ngày 14/11/2025	Theo từng giấy nhận nợ	Thời hạn cấp tín dụng từ ngày 14/11/2025 đến ngày 13/11/2026. Thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay ghi trên từng Giấy nhận nợ.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoại trừ nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định)	- Thế chấp hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; - Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại/quyền đòi nợ từ các đối tác; - Cầm cố tiền gửi có kỳ hạn.	1.034.720,92	27.292.833.707
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</b>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/4675359/HĐTD ngày 03/09/2025	Theo từng giấy nhận nợ	Thời hạn cấp tín dụng từ ngày 03/09/2025 đến ngày 31/08/2026. Thời hạn vay chi tiết theo từng Hợp đồng.	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC, chiết khấu, bao thanh toán phục vụ sản xuất kinh doanh	Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng	3.846.292,84	101.453.666.241

5.640,984

148.792.247.366

(\*) Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>247.999.200.000</b>	<b>130.334.259</b>	<b>59.369.394.731</b>	<b>220.962.558.434</b>	<b>528.461.487.424</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	159.267.592.394	159.267.592.394
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	23.931.677.315	(23.931.677.315)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.179.503.195)	(7.179.503.195)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.196.583.866)	(1.196.583.866)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(61.999.800.000)	(61.999.800.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>247.999.200.000</b>	<b>130.334.259</b>	<b>83.301.072.046</b>	<b>285.922.586.452</b>	<b>617.353.192.757</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>247.999.200.000</b>	<b>130.334.259</b>	<b>83.301.072.046</b>	<b>285.922.586.452</b>	<b>617.353.192.757</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	120.699.060.963	120.699.060.963
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	31.853.518.479	(31.853.518.479)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.963.379.620)	(7.963.379.620)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(2.389.013.886)	(2.389.013.886)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(61.999.800.000)	(61.999.800.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>247.999.200.000</b>	<b>130.334.259</b>	<b>115.154.590.525</b>	<b>302.415.935.430</b>	<b>665.700.060.214</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024	100,00	159.267.592.394
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00	31.853.518.479
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00	7.963.379.620
Trích Quỹ khen thưởng ban Điều hành	1,50	2.389.013.886
Chi trả cổ tức (tương ứng 25% vốn điều lệ)	38,93	61.999.800.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2024	34,57	55.061.880.409

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	47,71	118.314.180.000	47,71	118.314.180.000
Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,02	96.775.800.000	39,02	96.775.800.000
Cổ đông khác	13,27	32.909.220.000	13,27	32.909.220.000
	<b>100</b>	<b>247.999.200.000</b>	<b>100</b>	<b>247.999.200.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	247.999.200.000	247.999.200.000
- Vốn góp cuối năm	247.999.200.000	247.999.200.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	10.755.900	4.762.350
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	61.999.800.000	61.999.800.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	61.999.800.000	61.999.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(61.959.985.500)	(61.993.806.450)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(61.959.985.500)	(61.993.806.450)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>50.570.400</b>	<b>10.755.900</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.799.920	24.799.920
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	24.799.920	24.799.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	24.799.920	24.799.920
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		



e) Các quỹ công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	115.154.590.525	83.301.072.046
	<b>115.154.590.525</b>	<b>83.301.072.046</b>

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-19/12/HĐ-IMP Co ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2025 các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.435.000.000	2.435.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	10.380.500.000	10.165.250.000
Trên 5 năm	11.434.800.000	14.085.050.000
	<b>24.250.300.000</b>	<b>26.685.300.000</b>

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại địa chỉ số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-19/12/HĐ-IMP Co ngày 19/12/2018 và phụ lục số 01 ngày 26/08/2024. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê tài sản hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.789.325.000	2.656.500.000
Trên 1 năm đến 5 năm	12.623.456.000	12.022.339.000
Trên 5 năm	15.343.889.000	18.734.331.000
	<b>30.756.670.000</b>	<b>33.413.170.000</b>

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê quyền sử dụng đất và khu chung cư công nhân Block 1 với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động số 12/HĐ-IMP Co ngày 10/05/2024 và phụ lục số 01 ngày 26/08/2024. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê từ 01/01/2024 đến 31/12/2034. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.306.462.500	1.244.250.000
Trên 1 năm đến 5 năm	5.912.568.000	5.631.017.500
Trên 5 năm	7.186.763.000	8.774.776.000
	<b>14.405.793.500</b>	<b>15.650.043.500</b>



**a) Tài sản thuê ngoài (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade tại Lô số 23-4A2 và 23-8B2, Đường số 7, KCN Quốc tế Protrade, phường Tây Nam, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động số SLA-PICL/089-2025 ngày 02/05/2025 để thực hiện di dời nhà máy. Thời hạn thuê đất từ ngày 02/05/2025 đến ngày 28/10/2057. Diện tích khu đất thuê là 17.015 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả toàn bộ tiền thuê đất theo đơn giá là 5.601.200 VND/m<sup>2</sup> tương ứng với tổng giá trị tiền thuê đất là 95.304.418.000 VND trước ngày 30/11/2025. Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền thuê và nhận bàn giao mặt bằng.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

Chủng loại, quy cách	Đvt	31/12/2025		01/01/2025	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
Vải các loại	Yard	62.269,93	Bình thường	109.279,09	Bình thường

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	991.159,68	987.800,68
Đồng Euro (EUR)	3.795,00	3.795,00

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.714.828.110.428	1.759.185.815.948
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	49.275.896.599	59.836.311.984
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	1.682.447.613	2.351.285.319
	<b>1.765.786.454.640</b>	<b>1.821.373.413.251</b>

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	3.387.808.365	4.856.209.191
	<b>3.387.808.365</b>	<b>4.856.209.191</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.490.837.183.784	1.511.743.079.988
Giá vốn của dịch vụ gia công	54.060.957.227	60.969.149.765
Giá vốn nguyên liệu, phế liệu đã bán	2.310.344.100	7.725.202.885
	<b>1.547.208.485.111</b>	<b>1.580.437.432.638</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>359.067.567.714</b>	<b>257.068.673.403</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	13.636.364
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	-	41.709.525
Tiền bồi thường nhận được	7.574.235.713	10.517.430.144
Tiền khách hàng hỗ trợ	1.067.412.000	3.021.622.367
Thu nhập khác	65.807.846	16.337.602
	<b>8.707.455.559</b>	<b>13.610.736.002</b>
<b>Trong đó: Thu nhập từ các bên liên quan</b>	<b>5.586.979.861</b>	<b>7.226.707.762</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>		

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu	5.441.562.837	77.420.282
Chi phí bồi thường	360.723.103	-
Chi phí khác	13.024.956	98.250.774
	<b>5.815.310.896</b>	<b>175.671.056</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	159.341.304.207	201.191.879.669
Các khoản điều chỉnh tăng	31.105.925.751	10.402.221.658
- Chi phí không hợp lệ	17.840.827.368	4.574.101.029
- Các khoản phạt	5.435.826.437	51.575.827
- Lỗi/Lãi đánh giá lại các khoản mục tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm	2.648.946.179	-
- Thù lao Hội đồng quản trị	4.377.686.149	5.776.544.802
- Hoàn nhập lãi đánh giá lại các khoản mục tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm trước do đã thực hiện trong năm nay	802.639.618	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.553.526.000)	(3.008.527.451)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(802.639.618)
- Thù lao Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành tạm trích năm trước đã thực chi trong năm nay	(1.553.526.000)	(925.668.678)
- Hoàn nhập lỗ đánh giá lại các khoản mục tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm	-	(1.280.219.155)
Thu nhập chịu thuế TNDN	188.893.703.958	208.585.573.876
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>37.778.740.792</b>	<b>41.717.114.775</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	863.502.452	207.172.500
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	18.576.225.891	14.356.232.900
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(39.455.491.203)	(37.704.294.284)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>17.762.977.932</b>	<b>18.576.225.891</b>



**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	866.543.613.432	869.765.752.497
Chi phí nhân công	366.938.117.180	350.868.346.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.954.914.321	12.280.792.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	398.189.449.097	427.713.853.666
Chi phí khác bằng tiền	3.582.970.406	7.962.968.535
Chi phí dự phòng	78.248.045	-
	<b>1.646.287.312.481</b>	<b>1.668.591.713.705</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Tiền	26.855.485.140	-	-	26.855.485.140
Phải thu khách hàng, phải thu khác	308.520.991.914	77.996.760	-	308.598.988.674
Các khoản cho vay	186.523.398.636	-	-	186.523.398.636
	<b>521.899.875.690</b>	<b>77.996.760</b>	<b>-</b>	<b>521.977.872.450</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Tiền	32.140.387.362	-	-	32.140.387.362
Phải thu khách hàng, phải thu khác	271.764.992.153	-	-	271.764.992.153
Các khoản cho vay	265.402.054.405	3.000.000.000	-	268.402.054.405
	<b>569.307.433.920</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>572.307.433.920</b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Vay và nợ	148.792.247.366	-	-	148.792.247.366
Phải trả người bán, phải trả khác	158.106.575.037	-	-	158.106.575.037
Chi phí phải trả	113.669.783	-	-	113.669.783
	<b>307.012.492.186</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>307.012.492.186</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Vay và nợ	125.728.065.232	-	-	125.728.065.232
Phải trả người bán, phải trả khác	144.100.794.606	-	-	144.100.794.606
Chi phí phải trả	78.314.024	-	-	78.314.024
	<b>269.907.173.862</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>269.907.173.862</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) <b>Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	1.411.581.959.526	1.516.256.726.495
b) <b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.389.323.526.037	1.454.087.613.159

**34. THÔNG TIN KHÁC**

a) **Tạm trích Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2025**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 thông qua kế hoạch chỉ trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2025 với mức không quá 3,5%/lợi nhuận sau thuế. Trong năm 2025, Công ty thực hiện tạm trích và ghi nhận thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2025 vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

	Năm 2025
	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (không bao gồm thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2025):	125.076.747.112
Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2025 tạm tính (3,5%/lợi nhuận sau thuế):	4.377.686.149

### 34 . THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

#### b) Truy đóng bổ sung các khoản bảo hiểm

Trong năm, Công ty tiến hành rà soát và thực hiện thủ tục truy đóng bổ sung các khoản bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN) cho 317 người lao động trong giai đoạn từ tháng 04/2021 đến tháng 06/2024. Nguyên nhân là do Công ty điều chỉnh bổ sung các khoản thưởng hoàn thành công việc vào thu nhập đóng bảo hiểm. Tổng số tiền truy đóng và các khoản phạt, lãi chậm nộp là 28.759.223.485 VND, trong đó, phần chi phí thuộc nghĩa vụ chi trả của Công ty là 15.840.918.527 VND; phần thuộc nghĩa vụ của người lao động là 7.945.162.596 VND và các khoản phạt, lãi chậm nộp là 4.973.142.362 VND. Ban Điều hành đã quyết định tạm ứng nộp toàn bộ số tiền trên cho Cơ quan Bảo hiểm và thu hồi phần của người lao động thông qua việc khấu trừ dần vào tiền lương hàng tháng (trong đó đã căn trừ vào tiền lương trong năm là 1.687.143.939 VND, còn lại phải thu là 6.258.018.657 VND).

### 35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

### 36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH YCH - Protrade	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Hưng Vương	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐQT
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – CN Quận 7	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Giám đốc
Công ty cổ phần chứng khoán Saigonbank Berjaya (SBBS)	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Trưởng ban kiểm soát



Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ</b>	<b>359.067.567.714</b>	<b>257.068.673.403</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	257.119.744.014	250.600.647.467
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	6.335.750.000	6.050.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	307.655.700	338.596.726
Công ty TNHH YCH - Protrade	-	79.429.210
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	95.304.418.000	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>374.497.600</b>	<b>262.056.216</b>
Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	374.497.600	262.056.216
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.586.979.861</b>	<b>7.226.707.762</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	5.586.979.861	7.226.707.762
<b>Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Chức vụ</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	VND	VND
	<b>12.636.346.633</b>	<b>9.218.237.197</b>
Ông Nguyễn An Định Chủ tịch HĐQT	1.035.684.000	771.394.000
Bà Phạm Thị Vượng Phó Chủ tịch HĐQT	776.763.000	578.546.000
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo Thành viên HĐQT	517.842.000	385.697.000
Ông Phan Thành Đức Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.006.126.290	2.359.606.129
Ông Nguyễn Xuân Quân Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	2.655.955.732	1.659.477.922
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 26/06/2025)	2.779.743.611	2.177.859.146
Ông Nguyễn Hồng Anh Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 26/06/2025	517.842.000	385.697.000
Ông Lê Trọng Nghĩa Trưởng ban kiểm soát	517.842.000	385.697.000
Ông Hứa Tuấn Cường Thành viên BKS	414.274.000	308.558.000
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng Thành viên BKS	414.274.000	205.705.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

### 37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Lê Văn Đông**  
Người lập



**Nguyễn Minh Thùy**  
Kế toán trưởng



**Phan Thành Đức**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số: 14/CV-MMBD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế  
Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm  
toán giảm 24% so với năm trước

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0274.3755 143

Fax: 0274.3755 415

Email: thuy.ltt@protrade.com.vn

Mã chứng khoán: **BDG**

- Căn cứ Thông tư 196/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

Công ty giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2025 so với năm 2024 như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2025 (đồng)	Năm 2024 (đồng)	Tăng/(giảm)	
				Số tiền (đồng)	%
1	Lợi nhuận sau thuế	120.699.060.963	159.267.592.394	(38.568.531.431)	-24%

Nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm này bao gồm:

- Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 20,9 tỷ đồng: Doanh thu thuần giảm 54,1 tỷ đồng so với năm trước, chủ yếu do sản lượng tiêu thụ giảm và giá bán bị điều chỉnh giảm dưới tác động của chính sách thuế từ thị trường Mỹ. Trong khi đó, giá vốn hàng bán chỉ giảm 33,2 tỷ đồng do chi phí lao động bao gồm tiền lương và các khoản bảo hiểm tăng theo quy định, làm thu hẹp biên lợi nhuận gộp.

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 11,9 tỷ đồng: Chủ yếu do giảm lãi chênh lệch tỷ giá so với năm trước.

- Thu nhập khác giảm 4,9 tỷ đồng: Nguyên nhân do giảm các khoản thu từ bồi thường của các đơn vị cung cấp dịch vụ gia công bên ngoài.

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận sau thuế như trên.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**PHAN THÀNH ĐỨC**